

Bản án số: 795/2024/DSST
Ngày 29 - 8 - 2024
V/v: Tranh chấp
Hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Thị Mai

Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Tiến Thịnh - Thư ký Tòa án nhân dân quận G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G tham gia phiên tòa: Bà Lê Duy Bảo
Chinh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 791/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 403/2024/QĐXXST-DS ngày 17/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 351/2024/QĐST-DS ngày 08/8/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty T (tên cũ: Công ty TNHH MTV T1); kế thừa quyền khởi kiện: Công ty TNHH M; Trụ sở: Số H đường C, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông K.V; sinh năm 1987, Quốc tịch Nga.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà N.T.T.D; sinh năm 2000 (văn bản số 05/2024/POA ngày 19/4/2024); địa chỉ: Số B đường P, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông N.V.H; sinh năm 1983; địa chỉ: Số D đường L, Phường A, quận G, Tp . (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25/5/2023 Công ty TNHH M (gọi tắt là VID) trình bày:

Ngày 27/7/2015, ông N.V.H ký hợp đồng tín dụng số 10705815 với Công ty TNHH MTV T1 (hiện là Công ty T) được gọi tắt là công ty S. Theo hợp đồng tín dụng công ty S cho ông N.V.H vay số tiền là 33.0000.000 đồng mục đích vay tiêu dùng; thời gian vay là 48 tháng, lãi suất thời điểm giải ngân là 32%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

Ngày 09/9/2022 công ty S ký kết hợp đồng mua bán nợ số 395-0922/Collection-SVFC với VID. Theo thoả thuận SVFC đã chuyển nhượng cho công ty M hợp đồng tín dụng số 10705815 và khoản nợ gốc của ông H là 26.190.600 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, công ty M đã thông báo, đôn đốc yêu cầu ông H trả nợ đầy đủ, đúng hạn, theo cam kết đã ký tại hợp đồng tín dụng nhưng đến ngày 06/11/2016 ông H thiếu hợp tác trì hoãn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Ngày 05/6/2024 nguyên đơn có đơn thay đổi, bổ sung về nợ lãi trong hạn tính từ ngày 06/11/2016 đến ngày 05/7/2019 số tiền là 22.348.544 đồng. Nợ lãi quá hạn từ ngày 06/7/2019 đến ngày 05/6/2024 số tiền là 61.807.692 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán một lần toàn bộ gốc và lãi cho công ty M tổng số tiền là 110.345.936 đồng, không yêu cầu bị đơn phải trả lãi phát sinh từ ngày 06/6/2024 đến khi ông H tất toán xong toàn bộ số tiền nợ nêu trên.

Đối với bị đơn là ông N.V.H: Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo phiên họp, cung cấp chứng cứ, chứng minh, đối chất và hòa giải tại nơi cư trú nhưng bị đơn không đến Tòa theo giấy triệu tập, không cung cấp chứng cứ, chứng minh hoặc phản hồi ý kiến theo đề nghị của nguyên đơn. Nên Tòa án quận G không thu thập được lời khai, chứng cứ từ bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Về giải quyết và xét xử vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của pháp luật về tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70,71 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70,72 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét thấy nguyên đơn khởi kiện về việc bị đơn nợ tiền xuất phát từ hợp đồng vay tín dụng của Công ty T nên đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tín dụng” được qui định tại các Điều 26, Điều 35, Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ các Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10705815 ngày 27/7/2015, thì bị đơn là ông N.V.H có cùng hộ khẩu thường trú, cư trú tại địa chỉ số D đường L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ kết quả xác minh, thì bị đơn đi khỏi

nơi cư trú, không xác định được nơi cư trú mới thì được coi là bị đơn cố tình che giấu nơi cư trú, trốn tránh nghĩa vụ thanh toán khoản nợ tại Công ty T. Vì vậy Tòa án đã tiến hành, niêm yết, tổng đạt giấy triệu tập thông báo thụ lý, thông báo phiên họp công khai chứng cứ và đối chất - hòa giải hợp lệ đối với bị đơn tại nơi có hộ khẩu thường trú của bị đơn và nguyên đơn có đơn đề nghị vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu đương sự:

[3.1] Về hợp đồng tín dụng: Theo các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp và thu thập trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Ngày 27/7/2015, ông N.V.H ký hợp đồng tín dụng số 10705815 với Công ty TNHH MTV T1 (hiện là Công ty T). Ngày 09/9/2022 Công ty T ký kết hợp đồng mua bán nợ số 395-0922/Collection-SVFC với Công ty TNHH M (gọi là VID). Ngày 25/5/2023 công ty M khởi kiện ông N.V.H theo hợp đồng tín dụng số 10705815 ngày 27/7/2015. Quá trình thực hiện hợp đồng ông N.V.H đã thanh toán nợ gốc là 6.810.300 đồng, trả lãi là 12.174.700 đồng, từ ngày 06/11/2016 ngưng thanh toán cho đến nay hiện ông H còn nợ số tiền gốc là 26.189.700 đồng (1), nợ lãi trong hạn từ ngày 06/11/2016 đến ngày 05/7/2019 là $32 \text{ kỳ} \times 32\% / 12 \times 26.189.700 \text{ đồng} = 22.348.544 \text{ đồng}$ (2); Nợ lãi quá hạn từ ngày 06/7/2019 đến ngày 05/6/2024 là $59 \text{ kỳ} \times 26.189.700 \text{ đồng} \times 150\% \times (32\% / 12) = \text{số tiền là } 61.807.692 \text{ đồng}$ (3). Xét thấy tại thời điểm ký kết hợp đồng bị đơn đầy đủ năng lực xác nhận về thời gian vay, phương thức thanh toán và đồng ý với lãi suất thỏa thuận của hợp đồng tín dụng cá nhân ký kết ngày 27/7/2015 tại Công ty TNHH MTV T1. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 thì “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định pháp luật”. Vì vậy nếu đến hạn thanh toán mà bên vay không trả nợ vay hoặc thanh toán không đầy đủ thì công ty TNHH M yêu cầu ông N.V.H, phải thanh toán ngay số tiền nợ gốc và lãi tính của hợp đồng tín dụng cá nhân số 10705815 tính đến ngày 05/6/2024 số tiền là 110.345.936 đồng (nợ gốc là 26.189.700 đồng, nợ lãi trong hạn là 22.348.544 đồng, nợ lãi quá hạn là 61.807.692 đồng). Buộc ông N.V.H thanh toán ngay toàn bộ số tiền nêu trên khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy việc tính lãi trong hạn và quá hạn của công ty M không vi phạm quy định pháp luật về tính lãi nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 06/06/2024, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung vào ngân sách Nhà nước. Hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Điều 26, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự

Các Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M.

Buộc ông N.V.H có nghĩa vụ thanh toán trả cho Công ty TNHH M toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi là 110.345.936 đồng, thi hành một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông N.V.H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.517.300 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty TNHH M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 2.868.056 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0011890 ngày 27/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có

quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Q.G;
- THA DS QG;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**